

## In the Kitchen

在厨房

zài chú fáng

### 1. Refrigerator

冰箱

bīng xiāng

### 2. Sink

水槽

shuǐ cáo

### 3. Garbage bin

垃圾桶

lā jī tǒng

#### 4. Knife

刀子

dāo zi

#### 5. Spoon

勺子

sháo zi

#### 6. Fork

叉子

chā zi

#### 7. Chopsticks

筷子

kuài zi

## 8. Plate

盘子

pán zi

## 9. Cup

杯子

bēi zi

## 10. Glass

玻璃杯

bō li bēi

## 11. Bowl

碗

wǎn

12. Cutting board

菜板

cài bǎn

13. Oven

烤箱

kǎo xiāng

14. Dish soap

洗洁精

xǐ jié jīng

15. Microwave

微波炉

wēi bō lú

16. Frying pan

煎锅

jiān guō

17. Stove

炉灶

lú zào

18. Freezer

冷冻柜

lěng dòng guì

19. Apron

围裙

wéi qūn

20. Spatula

锅铲

guō chǎn

Copyright© Langhub.com – Learn Chinese. No part of this text can be reused for profit.